

TẠP CHÍ

[ISSN 1859-3887]

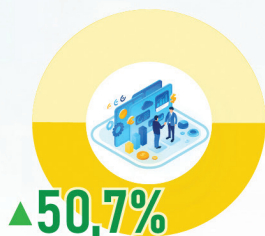
Tài Chính DOANH NGHIỆP

VTCA
Hội Tư Vấn Thuế Việt Nam

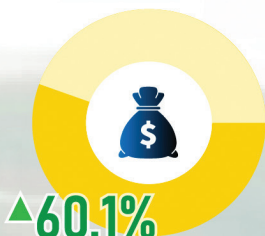
Số tháng 5/2026

- VTCA tổ chức Hội nghị thường niên tại Nha Trang
- Kinh tế 4 tháng duy trì đà phục hồi, nhiều chỉ số tăng trưởng khả quan

KINH TẾ TƯ NHÂN KHỞI SẮC, KỲ VỌNG TĂNG TRƯỞNG TIẾP TỤC MỞ RỘNG



77.800 doanh nghiệp mới



Vốn đăng ký
gần 785,4 nghìn tỷ đồng



356,9 nghìn lao động
đăng ký



TĂNG TRƯỞNG DOANH NGHIỆP 4 THÁNG ĐẦU NĂM 2026

Nguồn: Bộ Tài chính



<https://taichinhdoanhnghiep.net.vn/>

TỔNG BIÊN TẬP
HÀ KHẮC MINH

PHÓ TỔNG BIÊN TẬP
NGUYỄN ĐÌNH CƯ

HỘI ĐỒNG BIÊN TẬP
GS. TS NGÔ THẾ CHI
GS. TS PHẠM QUANG TRUNG
GS. TS ĐÌNH VĂN TIẾN
PGS. TS NGUYỄN TRỌNG CƠ
PGS. TS HOÀNG TRẦN HẬU
PGS.TS LÊ THỊ KIM NHUNG
PGS. TS BÙI VĂN VÂN
TS. HOÀNG THỊ LIỄU
Chuyên gia cao cấp **NGUYỄN THỊ CÚC**
Chuyên viên cao cấp **ĐẶNG QUYẾT TIẾN**

TRƯỞNG BAN TRỊ SỰ
PHÁT HÀNH - QUẢNG CÁO
HOÀNG THỊ HỒNG NHUNG

THIẾT KẾ
PHẠM HỒNG ÁNH

TÒA SOẠN:

Tầng 5, số 100 Lò Đúc, phường Hai Bà Trưng, Hà Nội
Văn phòng đại diện phía Nam: 35 đường 14, Khu đô thị
Vạn Phúc City, phường Hiệp Bình, Tp. Hồ Chí Minh
Điện thoại: 024.3201 9067 - Hotline: 086 508 6899
Email: tapchitaichinhdoanhnghiep@gmail.com
Giấy phép: Số 65/GP-BTTTT cấp ngày 31/ 01/2018
In tại Công ty CP In Tài chính
Giá bán: 60.000đ

MỤC LỤC

SỐ THÁNG 05/2026

THÔNG TIN - SỰ KIỆN

- 02** Thủ tướng Chính phủ: Đồng bộ giải pháp, tạo nền tảng trưởng... Thu Trang
03 Hội nghị thường niên VTCA: Thúc đẩy phát triển Đại lý thuế... Ngọc Lan

VẤN ĐỀ HÔM NAY

- 04** Kinh tế tư nhân: Nhiều doanh nghiệp nhỏ, ít tập đoàn lớn Trần Kiều
06 Doanh nghiệp tìm vốn dài hạn, thị trường vẫn thiếu... Bùi Lan

NGHIÊN CỨU - TRAO ĐỔI

- 09** Cơ hội và thách thức của doanh nghiệp... ThS. Nguyễn Thị Kim Dung
12 Phân tích tác động của truyền thông... ThS. Bùi Thị Nhân
ThS. Đỗ Thị Hoàng Yến
Trần Thị Mỹ Dáng
Võ Hoàng Bắc
Nguyễn Anh Phúc
Nguyễn Công Lưu
Hoàng Nguyễn Trâm Chi
Hoàng Thị Quỳnh Chi
Nguyễn Thị Triệu Vi
Trần Thị Phương Nhung
16 Niềm tin năng lực bản thân... ThS. Nguyễn Tuấn Vương
19 Nghiên cứu tổng quan các nhân tố... ThS. Trần Hương Ly
Nguyễn Phương Anh
The-Bao Luong
Võ Thị Ngọc Thư
Phạm Lê Gia Bảo
Nguyễn Mai Thanh Châu
The-Bao Luong
Nguyễn Thị Xuân Thy
Trương Ngọc Trúc Hương
22 Giải pháp thúc đẩy chuyển dịch năng lượng... ThS. Nguyễn Thị Thúy Duyên
26 Tài chính phi tập trung (DeFi) tại Việt Nam... ThS. Nguyễn Thị Thu Hương
30 Phân tích tác động công nghệ số... TS. Nguyễn Thanh Thủy
34 Các yếu tố ảnh hưởng đến ý định...
38 Giải pháp nâng cao chất lượng...
42 Phát triển thị trường tài chính...
44 Nguồn nhân lực: Chìa khóa vàng...

THUẾ NHÀ NƯỚC

- 49** Hải quan xử lý hơn 7.000 vụ vi phạm... Thu Hằng
50 Hải quan siết hàng giả, xâm phạm sở hữu trí tuệ Phương Linh
52 Bạn đọc hỏi, VTCA trả lời VTCA
54 Thúc đẩy thanh toán không dùng tiền mặt... Nguyễn Diệp

DOANH NGHIỆP - THỊ TRƯỜNG

- 56** Tháng 4/2026: Sản xuất tiếp tục tăng trưởng... Minh Phương
57 Nâng chuẩn quản trị DNNN, tăng sức hút thị trường.. Nguyễn Hòa
58 Kinh tế số: Tăng trưởng bùng nổ phá vỡ các rào cản... Lệ Đan
60 Quý 1/2026: Vietnam Airlines giữ đà tăng trưởng... Ánh Tuyết

TÀI CHÍNH QUỐC TẾ

- 61** Chính sách thuế thu nhập cá nhân... Ngọc Linh

GIẢI PHÁP THỨC ĐẨY CHUYỂN DỊCH NĂNG LƯỢNG XANH HƯỚNG ĐẾN MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

ThS. Nguyễn Tuấn Vương

Đại học Mở - Địa chất

Tóm tắt

Năng lượng không chỉ là trụ cột kinh tế, mà còn liên quan trực tiếp đến các mục tiêu phát triển bền vững (SDGs), đặc biệt là các mục tiêu về khí hậu (SDG 13), công nghiệp hóa bền vững (SDG 9) và công bằng xã hội (SDG 7). Việc chuyển đổi năng lượng theo hướng xanh giúp giảm sự phụ thuộc vào nhiên liệu nhập khẩu, tăng cường chủ quyền năng lượng, đồng thời mở ra không gian đổi mới sáng tạo, tạo việc làm chất lượng cao trong các lĩnh vực, như: công nghệ sạch, năng lượng thông minh.

Bài viết tập trung phân tích thực trạng và những thách thức trong quá trình chuyển dịch năng lượng xanh tại Việt Nam, từ đó đề xuất một số giải pháp thúc đẩy, hoàn thành các mục tiêu trung hòa carbon, đảm bảo an ninh năng lượng và phát triển kinh tế bền vững.

Từ khóa: chuyển dịch năng lượng, năng lượng xanh, năng lượng tái tạo, phát triển bền vững

1. Tiềm năng phát triển năng lượng xanh của Việt Nam

Việt Nam được đánh giá là quốc gia có tiềm năng phát triển năng lượng tái tạo hàng đầu trong khu vực Đông Nam Á. Về năng lượng mặt trời, bức xạ trung bình tại các vùng Nam Trung Bộ, Tây Nguyên đạt 4,6 - 5,2 kWh/m²/ngày - cao hơn so với hầu hết các nước trong khu vực. Tiềm năng kỹ thuật điện mặt trời của Việt Nam ước tính trên 450 GW, vượt trội so với Thái Lan (~42 GW), Philippines (~29 GW) hay Malaysia (~30 GWp). Về điện gió, theo World Bank (2021), Việt Nam có tiềm năng kỹ thuật điện gió ngoài khơi lên đến 600 GW, cao nhất ASEAN. Các vùng biển từ Quảng Trị đến Cà Mau có tốc độ gió ổn định, độ sâu phù hợp để phát triển điện gió cố định. So với Philippines (76 GW), Thái Lan (~10 GW) hay Indonesia (~20 GW), tiềm năng gió ngoài khơi của Việt Nam gấp từ 5 đến 10 lần.

Ngoài ra, Việt Nam còn có tiềm năng lớn về sinh khối nông nghiệp (~100 triệu tấn phụ phẩm mỗi năm), điện từ rác thải (hơn 60 triệu tấn rác sinh hoạt/năm), và thủy điện nhỏ (~2.500 MW chưa khai thác). Việc Việt Nam đi sau nhưng phát triển nhanh trong giai đoạn 2018 - 2020 (đạt hơn 16,5 GW điện mặt trời chỉ trong 3 năm) cho thấy dư địa và năng lực hấp thụ công nghệ mới rất lớn nếu được hỗ trợ về chính sách, tài chính và hạ tầng phù hợp.

Tuy nhiên, chuyển hóa tiềm năng thành hiện thực

vẫn là thách thức do thiếu cơ chế khuyến khích dài hạn, thiếu quy hoạch tích hợp đất - điện - lưới, và hạ tầng chưa theo kịp tốc độ phát triển.

2. Thực trạng chuyển dịch năng lượng xanh

2.1. Một số chính sách thúc đẩy chuyển dịch năng lượng xanh của Việt Nam

Việt Nam đã và đang nỗ lực thực hiện chuyển đổi năng lượng xanh thông qua việc ban hành khung chính sách, các chiến lược, quy hoạch, như: Nghị quyết số 55-NQ/TW ngày 11/2/2020 của Bộ Chính trị về Định hướng chiến lược phát triển năng lượng quốc gia của Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn tới năm 2045. Trong đó, Nghị quyết đã đặt ra mục tiêu tỷ lệ các nguồn năng lượng tái tạo trong tổng cung năng lượng sơ cấp đạt khoảng 15%-20% vào năm 2030 và 25%-30% vào năm 2045.

Ngày 3/3/2025, Chính phủ cũng đã ban hành Nghị định số 58/2025/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều của Luật Điện lực liên quan đến việc phát triển điện năng lượng tái tạo và năng lượng mới. Nghị định này là một bước tiến quan trọng, thúc đẩy sự phát triển của ngành điện bền vững, đảm bảo an ninh năng lượng và giảm thiểu tác động tiêu cực đến môi trường, đồng thời tạo tín hiệu tích cực cho các nhà đầu tư trong lĩnh vực năng lượng tái tạo tại Việt Nam...

Ngày 15/4/2025, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 768/QĐ-TTg phê duyệt Điều chỉnh

Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 (Điều chỉnh Quy hoạch điện VIII), với mục tiêu tổng công suất đặt nguồn điện đến năm 2030 đạt khoảng 183.000-236.000 MW; đến năm 2050 đạt khoảng 774.000-839.000 MW; trong đó công suất đặt các nguồn điện năng lượng tái tạo (không bao gồm thủy điện) chiếm 28%-36% vào năm 2030 và đạt 74%-75% tổng công suất hệ thống vào năm 2050. Cùng với Quy hoạch tổng thể về năng lượng quốc gia thời kỳ 2021-2030 tầm nhìn đến năm 2050 được phê duyệt ngày 26/7/2023 (Quyết định số 893/QĐ-TTg), Điều chỉnh Quy hoạch điện VIII đặc biệt chú trọng phát triển các nguồn năng lượng tái tạo, năng lượng xanh, sạch, phù hợp với xu hướng phát triển năng lượng bền vững toàn cầu.

2.2. Thực trạng chuyển dịch năng lượng xanh hiện nay

2.2.1. Những kết quả đã đạt được

Theo Cơ quan Năng lượng tái tạo Quốc tế (IRENA), trong năm 2023, tổng công suất sản xuất năng lượng tái tạo của Việt Nam đạt 21,6 GW. Trong đó, năng lượng mặt trời chiếm hơn 1/3 tổng công suất nguồn năng lượng tái tạo lắp đặt tại Việt Nam. Tính đến cuối năm 2023, tổng công suất các nhà máy điện tái tạo và thủy điện đạt gần 45.000 MW, chiếm 55,6% tổng công suất hệ thống điện Việt Nam (79.000 MW). Trong đó, điện gió là 4.864 MW; điện mặt trời mái nhà khoảng 8.600 MW; điện mặt trời trang trại trên 9.000MW; thủy điện trên 22.000MW; điện sinh khối 385MW. Hệ thống điện Việt Nam có quy mô lớn nhất khu vực Đông Nam Á. Việt Nam đứng trong Top 10 quốc gia có công suất lắp đặt điện mặt trời cao nhất trên thế giới (Hà Lan, 2024).

Theo Báo cáo Tổng kết công tác năm 2024 và triển khai nhiệm vụ năm 2025 của Tập đoàn Điện lực Việt Nam, năm 2024, tổng công suất toàn hệ thống đạt 82.400 MW, tăng khoảng 1.500 MW so với năm 2023. Trong đó, các nguồn điện năng lượng tái tạo (điện gió, mặt trời) là 21.447 MW, chiếm 26%.

2.2.2. Một số thách thức

Về chính sách và thể chế

Một trong những rào cản lớn nhất trong quá trình chuyển đổi năng lượng tại Việt Nam là sự thiếu hoàn thiện và thiếu ổn định của khung chính sách. Đến nay, dù đã ban hành Quy hoạch điện VIII điều chỉnh và các cam kết quốc tế về phát thải ròng bằng 0, nhưng vẫn chưa có một cơ sở luật về năng lượng tái tạo (Luật NLTT) hoặc luật chuyển đổi năng lượng. Điều này dẫn đến tình trạng các chính sách rời rạc, thiếu tính ràng buộc pháp lý cao, khó triển khai nhất quán giữa trung ương và địa phương.

Cơ chế giá điện sau FIT chưa được ban hành kịp thời, khiến các nhà đầu tư mất niềm tin và đình hoãn nhiều dự án. Việc chuyển từ cơ chế FIT sang đấu thầu hoặc PPA theo giá trần chưa rõ ràng về phương pháp xác định giá, cơ chế chia sẻ rủi ro và lộ trình áp dụng. Đồng thời, các hợp đồng PPA hiện tại chưa có tính ràng buộc cao về pháp lý, thiếu cơ chế bảo lãnh thanh toán hoặc chia sẻ rủi ro hạ tầng - chính sách - pháp lý, khiến các tổ chức tài chính quốc tế khó tham gia đầu tư dài hạn.

Bên cạnh đó, sự chồng chéo giữa Luật Điện lực, Luật Đầu tư, Luật Đất đai và Luật Bảo vệ môi trường đang gây ra nhiều bất cập trong quá trình cấp phép đầu tư. Ví dụ, một dự án NLTT quy mô trên 10 ha phải mất 12 - 18 tháng để tích hợp vào quy hoạch sử dụng đất, thẩm định môi trường, và phê duyệt chủ trương đầu tư. Việc thiếu một cơ chế liên thông giữa các bộ ngành cũng khiến tiến độ giải ngân và triển khai dự án bị kéo dài, làm tăng chi phí xã hội và giảm hiệu quả chuyển đổi năng lượng.

Về hạ tầng kỹ thuật

Sự phát triển mạnh mẽ của điện mặt trời và điện gió trong giai đoạn 2018 - 2020 đã làm lộ rõ những bất cập trong hạ tầng điện, đặc biệt là hệ thống điện nền và tích trữ. Các nguồn NLTT có đặc điểm phát điện không ổn định, phụ thuộc vào thời tiết và thời gian trong ngày. Trong khi đó, hệ thống điện Việt Nam vẫn dựa chủ yếu vào mô hình truyền thống, thiếu linh hoạt, thiếu khả năng điều tiết nhanh và không có bộ đệm tích trữ năng lượng quy mô lớn.

Điện nền đóng vai trò quan trọng trong việc đảm bảo ổn định tần số và vận hành hệ thống điện quốc gia. Tuy nhiên, các nguồn điện nền sạch như điện khí LNG, thủy điện tích năng hiện vẫn còn rất hạn chế. Việt Nam chưa có nhà máy thủy điện tích năng nào hoạt động, trong khi theo Quy hoạch điện VIII điều chỉnh, cần phát triển ít nhất 2.400 - 6.000 MW thủy điện tích năng và 10.000 - 16.300 MW hệ thống lưu trữ điện (BESS) vào năm 2030 để hỗ trợ vận hành hệ thống khi NLTT chiếm tỉ trọng cao.

Việc thiếu quy định bắt buộc tích hợp BESS đối với các dự án NLTT ≥ 50 MW, thiếu thị trường phụ trợ và cơ chế thanh toán lưu trữ, khiến các nhà đầu tư không mặn mà đầu tư vào lưu trữ, dù công nghệ và tài chính đã sẵn có. Đồng thời, lưới truyền tải hiện nay - đặc biệt là các tuyến 220kV và 500kV - không theo kịp tốc độ phát triển nguồn, dẫn đến hiện tượng quá tải, cắt giảm công suất điện mặt trời và điện gió thường xuyên tại Ninh Thuận, Bình Thuận, Gia Lai và Tây Nguyên.

Về kỹ thuật và công nghệ

Một trong những thách thức quan trọng nhưng thường bị đánh giá chưa đúng mức trong quá trình chuyển đổi năng lượng là hạn chế về kỹ thuật và công nghệ. Hệ thống năng lượng Việt Nam hiện nay vẫn chủ yếu vận hành theo mô hình truyền thống, chưa được thiết kế để tích hợp tỷ trọng cao các nguồn điện biến động như điện mặt trời và điện gió. Điều này dẫn đến những khó khăn trong điều độ, duy trì tần số và ổn định điện áp khi nguồn NLTT phát điện không đồng bộ với phụ tải.

Ngoài ra, Việt Nam cũng chưa phát triển đầy đủ hệ sinh thái các công nghệ hỗ trợ như pin lưu trữ nội địa, inverter thông minh, công nghệ điều tần cho hệ thống hybrid (kết hợp NLTT - BESS - diesel/gas). Khả năng nội địa hóa thiết bị còn thấp; phần lớn thiết bị NLTT (panel, turbine, inverter, pin lưu trữ...) vẫn phải nhập khẩu, dẫn đến phụ thuộc vào biến động thị trường toàn cầu và tỷ giá.

Việc thiếu tiêu chuẩn kỹ thuật quốc gia riêng cho tích hợp NLTT, lưu trữ, và vận hành linh hoạt cũng làm giảm tính nhất quán trong thiết kế và đấu nối các dự án mới. Các nhà đầu tư hiện vẫn thiếu hướng dẫn rõ ràng về yêu cầu kỹ thuật tối thiểu để tham gia thị trường phụ trợ, điều tần, hoặc hòa lưới tự động - gây cản trở quá trình chuyên nghiệp hóa và hiện đại hóa hệ thống năng lượng.

Khó khăn về nguồn vốn và cơ chế tài chính xanh

Chuyển đổi năng lượng là một quá trình tiêu tốn nguồn lực tài chính rất lớn. Theo tính toán của Bộ Công Thương và các đối tác phát triển, để đạt được các mục tiêu trong Quy hoạch điện VIII điều chỉnh, Việt Nam cần đầu tư khoảng 135 - 150 tỉ USD trong giai đoạn 2021 - 2030, tương đương gần 15 tỉ USD/năm. Trong khi đó, ngân sách Nhà nước chỉ có thể đảm đương một phần rất nhỏ, phần lớn còn lại phải đến từ khu vực tư nhân và các nguồn vốn quốc tế như JETP, GCF, ADB...

Tuy nhiên, việc huy động vốn cho các dự án năng lượng xanh tại Việt Nam hiện đang gặp nhiều rào cản. Các ngân hàng trong nước vẫn còn e ngại cho vay các dự án NLTT do rủi ro pháp lý (thiếu PPA dài hạn có bảo lãnh), rủi ro thị trường (chưa có giá điện ổn định) và rủi ro kỹ thuật (không đảm bảo giải tỏa công suất). Việc thiếu cơ chế chia sẻ rủi ro công - tư, bảo lãnh hợp đồng từ các định chế tài chính như Ngân hàng Phát triển Việt Nam (VDB) cũng khiến dòng vốn xanh chưa thể tiếp cận đại trà. Mặt khác, Việt Nam chưa có một cơ chế tín dụng xanh được chuẩn hóa và triển khai rộng rãi. Việc phát hành trái phiếu xanh còn mang tính thử nghiệm, chưa có khung phân loại (taxonomy) thống nhất về hoạt động xanh - sạch - bền vững.

Ngoài ra, doanh nghiệp tư nhân trong nước - nhất là doanh nghiệp vừa và nhỏ - vẫn khó tiếp cận vốn vay trung dài hạn do thiếu tài sản đảm bảo, thiếu năng lực lập dự án theo chuẩn quốc tế (IFC, ADB), và chưa quen với quy trình quản trị rủi ro tài chính - môi trường - xã hội (ESG). Điều này gây ra sự chênh lệch lớn giữa tiềm năng phát triển NLTT và năng lực tài chính thực tế của nền kinh tế.

3. Giải pháp

Thứ nhất, hoàn thiện thể chế và chính sách. Cụ thể: Ban hành cơ chế giá điện 2 thành phần và hoàn thiện thị trường điện cạnh tranh từ năm 2026: Cơ chế này (đã bắt đầu thí điểm theo Nghị định 57/2025/NĐ-CP và Thông tư 62/2025/TT-BCT) sẽ tách biệt giá công suất và giá năng lượng, giúp nhà đầu tư NLTT có doanh thu ổn định, giảm rủi ro; Hoàn thiện tiêu chuẩn “xanh” (Danh mục phân loại xanh 2025 - Quyết định 21/2025) và cơ chế tín chỉ carbon bắt buộc được xây dựng trên nền tảng Nghị định 29/2026 (vận hành sàn giao dịch carbon thí điểm). Cơ chế này sẽ cho phép doanh nghiệp kiếm thêm doanh thu từ tín chỉ carbon, đồng thời buộc các nhà máy than phải nội hóa chi phí môi trường. Phân tích: Giúp Việt Nam hội nhập tiêu chuẩn quốc tế (EU CBAM, JETP), tăng sức hấp dẫn vốn xanh và hỗ trợ trực tiếp nhóm 3 (huy động vốn); Tích hợp chuyển dịch năng lượng vào quy hoạch tỉnh/thành, đảm bảo tính đồng bộ giữa cấp quốc gia (PDP8) và địa phương, tránh tình trạng “phê duyệt trung ương - chậm triển khai địa phương”.

Thứ hai, phát triển hạ tầng lưới điện và lưu trữ, trong đó, giải pháp cốt lõi đầu tiên là đẩy nhanh đầu tư hạ tầng truyền tải và lưu trữ để “mở đường” cho NLTT. Cụ thể, giai đoạn 2025 - 2030 cần xây dựng mới 102.900 MVA và cải tạo 23.250 MVA trạm biến áp 500kV, cùng 12.944 km đường dây 500kV mới (theo Quyết định 768/QĐ-TTg). Đồng thời, triển khai smart grid với công nghệ số (SCADA/EMS, IoT, AI) để dự báo và tối ưu hóa dòng chảy điện thời gian thực. Pin lưu trữ (BESS) được bố trí phân tán gần các trung tâm NLTT (gió, mặt trời) hoặc trung tâm phụ tải, với tỷ lệ tối thiểu 10% công suất cho các dự án điện mặt trời tập trung.

Bên cạnh đó, thí điểm thủy điện tích năng và các dự án hybrid (gió + mặt trời + lưu trữ). Giải pháp này tập trung vào lưu trữ quy mô lớn và tích hợp hybrid, bổ sung cho pin lưu trữ phân tán. Dự án Thủy điện tích năng Bắc Ái (1.200 MW, 4 tổ máy, tổng đầu tư >21.000 tỷ đồng, khởi công tháng 2/2025) là dự án thí điểm đầu tiên, dự kiến vận hành tổ máy đầu tiên tháng 12/2029. Dự án đã nhận hỗ trợ 430 triệu euro từ EU và Team Europe (tháng 10/2025) cùng hai khoản vay 76 triệu euro mỗi khoản từ AFD (Pháp) trong khuôn khổ

JETP. Các dự án hybrid (kết hợp gió + mặt trời + pin lưu trữ hoặc thủy tích năng) được ưu tiên phê duyệt nhanh theo PDP8 điều chỉnh.

Thứ ba, huy động vốn và hợp tác quốc tế. Giải pháp đầu tiên là tập trung vào việc kích hoạt các kênh tài chính sẵn có và đang được hoàn thiện. Theo đó, cần tăng cường DPPA: Nghị định 57/2025/NĐ-CP (ban hành ngày 03/3/2025, thay thế Nghị định 80/2024) đã chính thức hóa cơ chế mua bán điện trực tiếp giữa đơn vị phát điện NLTT và khách hàng sử dụng điện lớn. Cơ chế này cho phép hai hình thức: qua lưới kết nối riêng (private wire) hoặc qua lưới điện quốc gia, với giá đàm phán linh hoạt hơn, giảm bớt một số vướng mắc về chi phí truyền tải và bù trừ. Nghị định mở rộng đối tượng tham gia, tăng tính hấp dẫn cho doanh nghiệp lớn (FDI và trong nước) muốn mua điện xanh trực tiếp, ổn định giá và đáp ứng tiêu chuẩn ESG.

Đồng thời, khuyến khích doanh nghiệp và ngân hàng phát hành trái phiếu xanh (green bonds) để tài trợ trực tiếp cho dự án NLTT, lưới điện và lưu trữ. Thị trường green bonds Việt Nam vẫn còn khiêm tốn (khoảng 1,1 tỷ USD đến đầu 2026), nhưng có tiềm năng lớn khi kết hợp với tiêu chuẩn “xanh” từ Nhóm 1 và sản giao dịch tín chỉ carbon.

Thứ tư, phát triển công nghệ, nguồn nhân lực và nghiên cứu. Khoa học công nghệ (KH-CN) là yếu tố nền tảng, xuyên suốt toàn bộ chuỗi giá trị năng lượng xanh - từ sản xuất đến lưu trữ, truyền tải và tiêu dùng thông minh. Tuy nhiên, Việt Nam hiện vẫn chủ yếu nhập khẩu công nghệ, chưa có hệ sinh thái đổi mới sáng tạo nội địa đủ mạnh. Để đảm bảo tính tự chủ và bền vững, cần có chiến lược đầu tư mạnh vào R&D, hợp tác quốc tế, thương mại hóa công nghệ và xây dựng hạ tầng thử nghiệm tiêu chuẩn. Cụ thể, cần đầu tư nghiên cứu và làm chủ các công nghệ:

- Vật liệu năng lượng mới (PV, pin lưu trữ, vật liệu nhiệt - điện);
- Công nghệ lưới thông minh, truyền tải siêu cao áp, inverter thông minh;
- Công nghệ chuyển hóa biomass, hydro xanh, lưu trữ cơ - điện - hóa học;
- Thiết bị điện áp mái, điện hybrid tích hợp AI, blockchain, IoT.

Các doanh nghiệp cần chủ động đầu tư nghiên cứu, phát triển và ứng dụng các công nghệ mới, tiềm năng trong lĩnh vực sản xuất, truyền tải và tiêu thụ năng lượng cùng với sự hỗ trợ của nhà nước.

Thứ năm, tăng cường năng lực thực thi và giám sát ở cấp địa phương

Một trong những yếu tố quyết định thành công của

Quy hoạch điện VIII điều chỉnh là khả năng thực thi đồng bộ giữa trung ương và địa phương. Tuy nhiên, thực tế hiện nay cho thấy năng lực của các tỉnh, đặc biệt là cấp sở, ban ngành liên quan còn hạn chế về chuyên môn, thiếu am hiểu về quy hoạch năng lượng, kỹ thuật NLTT và chính sách tài chính xanh.

Do đó, cần triển khai chương trình đào tạo chuyên sâu cho cán bộ cấp tỉnh về tích hợp quy hoạch điện - đất đai - hạ tầng - môi trường. Cũng như xây dựng cẩm nang hướng dẫn thực thi Quy hoạch điện VIII điều chỉnh tại cấp tỉnh, trong đó nêu rõ: quy trình đề xuất cụm NLTT, cơ chế ưu tiên dự án kết hợp BESS - phụ tải công nghiệp, cách thức bố trí quỹ đất và đấu nối lưới điện. Ngoài ra, cần xem xét xây dựng bộ chỉ số năng lượng tái tạo cấp tỉnh (Provincial Renewable Energy Index), bao gồm các tiêu chí: tỉ lệ NLTT trong sản lượng tiêu thụ, tỉ lệ điện mặt trời áp mái, mức độ phát triển BESS, tỉ lệ đầu tư tư nhân vào lưới điện...

Xem xét thành lập Văn phòng chuyển đổi năng lượng tại mỗi tỉnh/khu vực, tương tự mô hình các Văn phòng JETP tại Trung ương, sẽ giúp nâng cao tính chủ động, giảm phụ thuộc vào hướng dẫn từ trung ương.

TÀI LIỆU THAM KHẢO:

1. Bộ Công Thương (2019). Thông tư số 02/2019/TT-BCT ngày 15 tháng 01 năm 2019 quy định thực hiện phát triển điện gió và Hợp đồng mua bán điện mẫu cho các dự án điện gió.
2. Doãn Hồng Nhung, Nguyễn Thanh Hải (2019). Hoàn thiện pháp luật về đầu tư năng lượng xanh, năng lượng sạch, năng lượng tái tạo ở Việt Nam. Tạp chí Công Thương, Số 18 tháng 10, trang 37-41.
3. Quốc hội (2020). Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.
4. Thủ tướng Chính phủ (2018). Quyết định số 39/2018/QĐ-TTg sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 37/2011/QĐ-TTg về cơ chế hỗ trợ phát triển các dự án điện gió tại Việt Nam, Hà Nội.
5. Thủ tướng Chính phủ (2016). Quyết định số 428/QĐ-TTg ngày 18 tháng 03 năm 2016 về việc phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch Phát triển điện lực quốc gia giai đoạn 2011-2020 có xét đến năm 2030, Hà Nội.
6. Thủ tướng Chính phủ (2015). Quyết định số 2068/QĐ-TTg về việc phê duyệt Chiến lược Phát triển năng lượng tái tạo của Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050.
7. Guang Hongliang (2008). Studies on Small Signal Stability of Electric Power System in Respect of Large Wind Farm Connection. Master's degree, Department of Electrical Power System and its Automation, North China Electric Power University, 7-9.
8. Wang Wei (2008). Study on the Steady-state Model and Grid-Connected Problems of wind Turbine with Synchronous Generator. Master's degree, Department of Electrical Power System and its Automation, Beijing Jiaotong University, 5-6.